

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
HUYỆN CHƯ PƯH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 127 /NQ-HĐND

Chư Pưh, ngày 29 tháng 12 năm 2022

NGHỊ QUYẾT

**Phê duyệt Đề án Phát triển Kinh tế - Xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số
và miền núi giai đoạn 2022-2025 trên địa bàn huyện Chư Pưh**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN CHƯ PƯH
KHOÁ X, KỲ HỌP THỨ TÁM**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương năm 2019;

Căn cứ Nghị quyết số 88/2019/QH14 ngày 18/11/2019 của Quốc hội về việc phê duyệt Đề án tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030;

Căn cứ Nghị quyết số 120/2020/QH14 ngày 19/6/2020 của Quốc hội về Phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030;

Căn cứ Nghị định số 05/2011/NĐ-CP ngày 14/01/2011 của Chính phủ về Công tác dân tộc;

Căn cứ Nghị quyết số 12/NQ-CP ngày 15/02/2020 của Chính phủ về việc triển khai Nghị quyết số 88/2019/QH14 ngày 18/11/2019 của Quốc hội về phê duyệt Đề án tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030;

Căn cứ Chương trình số 29-CTr/TU ngày 20/01/2022 của Tỉnh ủy về Chương trình hành động thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và Miền núi giai đoạn 2021-2030 trên địa bàn tỉnh Gia Lai;

Căn cứ Chương trình hành động số 04-CTr/TU ngày 23/11/2020 của Tỉnh ủy Gia Lai về thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVI, nhiệm kỳ 2020 - 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 132/NQ-HĐND ngày 08/7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai giao kế hoạch vốn đầu tư phát triển từ nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025 của 03 chương trình mục tiêu Quốc gia;

Căn cứ Nghị quyết số 01-NQ/ĐH ngày 21/8/2020 Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện Chư Pưh lần thứ X.

Căn cứ Nghị quyết số 11-NQ/HU ngày 29/9/2022 của Huyện ủy về lãnh đạo, chỉ đạo triển khai thực hiện Chương trình phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030 trên địa bàn huyện.

Xét Tờ trình số 168/TTr-UBND ngày 8/12/2022 của Ủy ban nhân dân huyện về việc đề nghị Hội đồng nhân dân huyện phê duyệt Đề án Phát triển Kinh tế - Xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2022-2025 trên địa bàn huyện Chư Pưh; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Xã hội Hội đồng nhân dân huyện; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân huyện tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phê duyệt Đề án Phát triển Kinh tế - Xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2022-2025 trên địa bàn huyện Chư Pưh (có Đề án số 08/ĐA-UBND ngày 08/12/2022 của Ủy ban nhân dân huyện kèm theo).

Điều 2. Điều khoản thi hành:

- Giao Ủy ban nhân dân huyện có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.

- Thường trực Hội đồng nhân dân huyện, các Ban Hội đồng nhân dân huyện, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân huyện và đại biểu Hội đồng nhân dân huyện giám sát việc tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân huyện Chư Pưh Khóa X, Kỳ họp thứ Tám thông qua ngày 21 tháng 12 năm 2022 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:

- Thường trực HĐND tỉnh;
- Thường trực Huyện ủy;
- Thường trực HĐND huyện;
- UBND huyện;
- Các Ban HĐND huyện;
- Đại biểu HĐND huyện;
- Các phòng, ban, đơn vị liên quan;
- TT HĐND, UBND các xã, thị trấn;
- Lưu: VT, HĐ. 



CHỦ TỊCH

Huỳnh Minh Thuận

Số: 08 /ĐA-UBND

Chư Pưh, ngày 08 tháng 12 năm 2022

ĐỀ ÁN

**Phát triển Kinh tế - Xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi
giai đoạn 2022-2025 trên địa bàn huyện Chư Pưh**

Phần thứ I

SỰ CẦN THIẾT VÀ CĂN CỨ XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

I. SỰ CẦN THIẾT XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

1. Xuất phát từ vị trí, tầm quan trọng của vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi là địa bàn có vị trí chiến lược quan trọng về chính trị, kinh tế - xã hội, an ninh, quốc phòng và bảo vệ môi trường sinh thái.

Huyện Chư Pưh là cửa ngõ phía Nam tỉnh Gia Lai, có tổng diện tích tự nhiên 71.891,56 ha, là địa bàn chiến lược quan trọng về kinh tế - xã hội, quốc phòng an ninh của tỉnh. Tỷ lệ người đồng bào DTTS chiếm khoảng 54,97% gồm: Dân tộc Jrai chiếm 90,62%; Bahnar chiếm 2,09%; dân tộc khác chiếm 7,28%. Trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng an ninh của Đảng và Nhà nước ta đã xác định vùng đồng bào dân tộc thiểu số và Miền núi là khu vực trọng yếu giữ vị trí chiến lược của đất nước.

2. Xuất phát từ thực trạng kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS trên địa bàn huyện là vùng có điều kiện khó khăn, chất lượng nguồn nhân lực thấp, kinh tế - xã hội phát triển chậm, tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản thấp, tỷ lệ nghèo còn cao.

Huyện Chư Pưh có 07 xã khu vực I, 01 xã khu vực II, 01 xã khu vực III, 53 thôn, làng đồng bào DTTS, trong đó có 14 thôn, làng đặc biệt khó khăn. Cơ sở hạ tầng kỹ thuật còn hạn chế¹, chưa đáp ứng được nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội. Đồng bào các DTTS được tiếp cận và hưởng thụ các dịch vụ xã hội cơ bản ở mức thấp. Thu nhập bình quân đầu người người đồng bào dân tộc thiểu số thấp². Tỷ lệ hộ nghèo người đồng bào dân tộc thiểu số chiếm tỷ lệ cao³.

3. Xuất phát từ yêu cầu thực hiện Chương trình số 29-CTr/TU ngày 20/01/2022 của Tỉnh ủy về Chương trình hành động thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc

¹ Chất lượng một số tiêu chí nông thôn mới như: giao thông nông thôn, cơ sở vật chất văn hóa, nhà ở dân cư, môi trường tại một số xã đạt chuẩn nhưng chưa bền vững, một số tuyến đường giao thông nông thôn tại các thôn làng xuống cấp đi lại khó khăn. 06 xã được công nhận đạt chuẩn, đến nay đã giảm từ 07 đến 10 tiêu chí so với Bộ tiêu chí 2021-2025.

² Mức thu nhập bình quân người đồng bào DTTS năm 2020 trên địa bàn tỉnh là 1,37 triệu đồng/người/tháng (quy đổi 20,4 triệu đồng/người/năm); Mức thu nhập bình quân đầu người người đồng bào DTTS cuối năm 2021 là 23,5 triệu đồng/người/năm).

³ Cuối năm 2021 trên địa bàn huyện có 2.529 hộ nghèo, chiếm tỷ lệ 14,47%, trong đó có 2.209 hộ nghèo dân tộc thiểu số chiếm tỷ lệ 26,09% (so với tổng hộ dân tộc thiểu số); có 2.271 hộ cận nghèo, chiếm tỷ lệ 12,99%, trong đó có 1.637 hộ dân tộc thiểu số, chiếm tỷ lệ 19,33% (so với tổng hộ DTTS)

thiểu số và Miền núi giai đoạn 2021-2030 trên địa bàn tỉnh Gia Lai; Nghị quyết số 11-NQ/HU ngày 29/9/2022 của Huyện ủy về lãnh đạo, chỉ đạo triển khai thực hiện Chương trình phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030 trên địa bàn huyện

Vì sự phát triển bền vững đối với đồng bào DTTS: Huyện tập trung lồng ghép nguồn lực các Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới, Giảm nghèo bền vững và các Chương trình trọng tâm theo Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện lần thứ X để phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số gắn với giảm nghèo bền vững, nâng cao chất lượng đời sống của người đồng bào dân tộc thiểu số.

Xuất phát từ yêu cầu của thực tiễn, việc xây dựng Đề án phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2022-2025 trên địa bàn huyện Chư Pưh, xác định mục tiêu cụ thể, giải pháp đột phá để thúc đẩy phát triển toàn diện, thu hẹp dần khoảng cách vùng đồng bào dân tộc thiểu số với các vùng phát triển là yêu cầu bức thiết và khách quan.

II. CĂN CỨ XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

- Nghị quyết số 88/2019/QH14 kỳ họp thứ 8 ngày 18/11/2019 về việc phê duyệt Đề án tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030;

- Nghị quyết số 120/2020/QH14 ngày 19/6/2020 của Quốc hội về Phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030;

- Nghị định số 05/2011/NĐ-CP ngày 14/01/2011 của Chính phủ về Công tác dân tộc;

- Nghị quyết số 12/NQ-CP ngày 15/02/2020 của Chính phủ về việc triển khai Nghị quyết số 88/2019/QH14 ngày 18/11/2019 của Quốc hội về phê duyệt Đề án tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030;

- Chương trình số 29-CTr/TU ngày 20/01/2022 của Tỉnh ủy về Chương trình hành động thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và Miền núi giai đoạn 2021-2030 trên địa bàn tỉnh Gia Lai;

- Chương trình hành động số 04-CTr/TU ngày 23/11/2020 của Tỉnh ủy Gia Lai về thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVI, nhiệm kỳ 2020 - 2025;

- Nghị quyết số 132/NQ-HĐND ngày 08/7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai giao kế hoạch vốn đầu tư phát triển từ nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025 của 03 chương trình mục tiêu quốc gia;

- Nghị quyết số 01-NQ/ĐH ngày 21/8/2020 Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện Chư Pưh lần thứ X.

- Nghị quyết số 11-NQ/HU ngày 29/9/2022 của Huyện ủy về lãnh đạo, chỉ đạo triển khai thực hiện Chương trình phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030 trên địa bàn huyện.

Phần thứ II

THỰC TRẠNG KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN CHƯ PƯH

I. THỰC TRẠNG KINH TẾ - XÃ HỘI

Huyện Chư Pưh được thành lập và chính thức đi vào hoạt động từ ngày 01/01/2010. Là cửa ngõ phía Nam tỉnh Gia Lai, cách trung tâm thành phố Pleiku 60km về phía Đông Nam; phía Bắc giáp huyện Chư Sê, phía Nam giáp huyện Ea Hlêo, tỉnh Đắk Lắk, phía Đông giáp huyện Chư Sê và huyện Phú Thiện, phía Tây giáp huyện Chư Prông. Huyện có tổng diện tích tự nhiên 71.891,56 ha, có đường Quốc lộ 14 chạy qua huyện với chiều dài 28 km đã được nhựa hóa 100%, tạo điều kiện thuận lợi cho việc giao lưu, trao đổi hàng hoá của nhân dân trong vùng, cũng là vị trí quan trọng trong chiến lược quốc phòng - an ninh của tỉnh.

Huyện có 08 xã, 01 thị trấn, 74 thôn, làng với 17.476 hộ, 81.628 khẩu. Tỷ lệ người đồng bào DTTS chiếm khoảng 54,97%. Toàn huyện có 04 tôn giáo chính là Phật giáo, Công giáo, Tin lành và Cao đài. Tôn giáo phát triển nhanh, đáng chú ý là đạo Tin lành phát triển mạnh trong vùng đồng bào DTTS với tổng số 14.239 tín đồ thuộc hệ phái Tin lành Miền Nam Việt Nam.

Tốc độ giá trị sản xuất (giai đoạn 2021-2025) bình quân tăng 8,23%. Thu nhập bình quân cuối năm 2021 đạt 47,41 triệu đồng/người/năm (trong đó Thu nhập bình quân đầu người người đồng bào dân tộc thiểu số đạt 23,5 triệu đồng/người/năm).

Đầu năm 2016, tổng số hộ nghèo toàn huyện (theo tiêu chí giai đoạn 2016-2020) là 4.218 hộ, chiếm tỷ lệ 29,05%. Đến cuối năm 2020, còn 879 hộ nghèo chiếm tỷ lệ 5,09%. Trong 5 năm, giảm 3.339 hộ nghèo tương đương giảm 23,96%. Tổng số hộ nghèo DTTS đầu năm 2016 là 3.655 hộ, tỷ lệ 51,75%. Đến cuối năm 2020, số hộ nghèo DTTS còn 729 hộ, tỷ lệ 8,78%. Trong 05 năm, giảm 2.926 hộ, tương đương giảm 42,97%⁴.

Theo tiêu chí giai đoạn 2022-2025, cuối năm 2021 trên địa bàn huyện có 2.529 hộ nghèo, chiếm tỷ lệ 14,47%, trong đó có 2.209 hộ nghèo dân tộc thiểu số chiếm tỷ lệ 26,09% (so với tổng hộ dân tộc thiểu số), chiếm tỷ lệ 87,35% (so với tổng số hộ nghèo).

Hạ tầng giao thông: Tính đến cuối năm 2021, có 98% đường trục xã, đường từ trung tâm xã đến đường huyện được nhựa hóa hoặc bê tông hóa đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện; 89,26% đường trục thôn, đường liên thôn được cứng hóa; 82,41% đường ngõ xóm sạch sẽ và không lầy lội vào mùa mưa; 80,85% đường trục nội đồng đảm bảo vận chuyển hàng hóa. Điện nông thôn: 100% xã có hệ thống điện đảm bảo yêu cầu kỹ thuật của ngành điện và 99,8% hộ được sử dụng điện thường xuyên, an toàn từ các nguồn. Từ nguồn đầu tư của ngành điện lực và của nhân dân, tiếp tục triển khai nâng cấp hệ thống đường dây hạ thế và lắp đặt mới đồng hồ điện đến các hộ dân.

⁴ Giảm tỷ lệ hộ nghèo hàng năm trong giai đoạn 2016-2020 trên địa bàn huyện là 4,79%/năm;
Giảm tỷ lệ hộ nghèo đồng bào dân tộc thiểu số hàng năm bình quân giai đoạn 2016-2020 là 8,59%/năm

Về văn hóa: Chư Pưh có một nền văn hóa mang đậm những nét đặc trưng của các dân tộc Tây Nguyên và gắn bó mật thiết với thiên nhiên. Các dân tộc trên địa bàn huyện vẫn còn lưu giữ được những nét văn hóa vật thể và phi vật thể độc đáo như: cồng chiêng⁵, đâm trâu, bỏ mả... Huyện đã tập trung bảo tồn và phát triển các bản sắc văn hóa, như: duy trì và nâng cao chất lượng tổ chức Hội thi văn hóa cồng chiêng, Hội thao các DTTS, tổ chức kiểm kê cồng chiêng; Duy trì tổ chức 02 lớp truyền dạy cồng chiêng cho thanh thiếu niên và người dân; mua cồng chiêng tặng cho các thôn, làng nhằm góp phần bảo tồn giá trị di sản văn hóa phi vật thể của đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn.

Các thiết chế văn hóa, thể thao được đầu tư, đến nay 08/09 xã, thị trấn đã thành lập Trung tâm Văn hóa - Thể thao cấp xã, có 67/74 nhà văn hóa, khu thể thao ở thôn, làng. Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá” phát triển sâu rộng trên địa bàn, có 67/74 thôn, làng văn hóa, đạt tỷ lệ 90,5%; 13.985/17.476 gia đình văn hóa, đạt 80,02%. Việc thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang đã có nhiều chuyển biến tích cực, theo hướng tiết kiệm, trang trọng, lành mạnh; 100% thôn, làng ĐB DTTS có hương ước, quy ước đã được phê duyệt, qua đó phát huy hiệu quả vai trò tự quản của cộng đồng dân cư.

Các chương trình MTQG về y tế được triển khai tích cực, có hiệu quả. Tổ chức tốt công tác khám chữa bệnh tại các tuyến; đặc biệt quan tâm đến công tác khám chữa bệnh BHYT⁶. Trên địa bàn huyện có 9/9 Trạm Y tế được xây dựng kiên cố. Tổng số giường bệnh là 95 giường, đạt 11,9 giường bệnh/vạn dân, tỷ lệ xã có bác sỹ là 89%, tỷ lệ xã có nữ hộ sinh 100%, tỷ lệ xã đạt chuẩn quốc gia về y tế là 89%. Xây dựng kế hoạch mua sắm, cung ứng thuốc đảm bảo đầy đủ thuốc, vật tư, hóa chất, trang thiết bị phục vụ công tác khám chữa bệnh và phòng chống dịch bệnh.

Về giáo dục - đào tạo: Năm học 2021-2022, số trẻ hoàn thành Chương trình giáo dục Mầm non cho trẻ em 5 tuổi đạt 100%; Số học sinh lớp 5 hoàn thành chương trình Tiểu học đạt 100%. Tỷ lệ huy động trẻ mẫu giáo người đồng bào Dân tộc thiểu số 5 tuổi là 1.141/1.141 đạt 100%; Bạc Tiểu học là 5.892/5.945 đạt 99,1%. Bạc THCS 2.483/2.528 đạt 98,2%. Người từ 15 tuổi trở lên đọc thông, viết thạo tiếng phổ thông đạt 90%.

Về lao động, giải quyết việc làm: Giải quyết việc làm mới cho người lao động năm 2020 là 1.024 lao động, năm 2021 là 1.050 lao động; Số lao động trong độ tuổi được đào tạo nghề phù hợp với nhu cầu, điều kiện của người dân tộc thiểu số⁷.

Công tác dân tộc ngày càng được quan tâm hỗ trợ. Năm 2021 đã bình xét, đề nghị công nhận 53 người uy tín trong đồng bào DTTS⁸, thực hiện cấp phát hỗ

⁵ Năm 2021 trên địa bàn huyện có 09 đội cồng chiêng mang tính chuyên nghiệp phục vụ các nhiệm vụ chính trị của huyện

⁶ Năm 2021 có 10.169 người tham gia bảo hiểm y tế. Phụ nữ có thai được khám thai định kỳ, sinh con ở cơ sở y tế hoặc được sự trợ giúp của cán bộ y tế năm 2020 là 33,3%, năm 2021 là 35,7%

Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng thể nhẹ cân năm 2020 là 18%, năm 2021 là 17,85%

⁷ Năm 2020 là 160 người, năm 2021 là 80 người

⁸ Trong đó: Giới tính: 51 nam, 02 nữ.

trợ tiền tết Nguyên đán, tết các dân tộc thiểu số cho 53 người có uy tín. Đã tổ chức đào tạo, bồi dưỡng nâng cao chất lượng cán bộ làm công tác dân tộc là 32 người. Thực hiện quy hoạch xây dựng đội ngũ cán bộ làm công tác dân tộc cấp huyện 03 người, cấp xã 09 người. Công tác định canh định cư, sắp xếp, bố trí ổn định dân cư được quan tâm, giải quyết. Tập trung giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất cho người đồng bào dân tộc thiểu số.

Nhân dân các dân tộc huyện Chư Puh được thụ hưởng nhiều chính sách ưu tiên, hỗ trợ của Đảng và Nhà nước đối với vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi⁹. Nhiều công trình cơ sở hạ tầng được quan tâm đầu tư để phục vụ đời sống và sản xuất cho nhân dân, bộ mặt vùng DTTS của huyện có nhiều khởi sắc; đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân đã được cải thiện rõ rệt.

II. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Thành tựu

- Kinh tế phát triển, đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân từng bước được cải thiện, đảm bảo an sinh xã hội; niềm tin của đồng bào DTTS đối với Đảng và Nhà nước được nâng lên; vùng đồng bào DTTS không phát sinh các “điểm nóng”, đảm bảo an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, thế trận lòng dân trong thế trận quốc phòng, an ninh vững mạnh được củng cố và tăng cường.

- Trong những năm qua, tốc độ tăng trưởng kinh tế đạt chỉ tiêu và kế hoạch Đảng bộ huyện đề ra.

- Cơ cấu kinh tế bước đầu có sự chuyển dịch theo hướng tăng dần tỷ trọng công nghiệp, dịch vụ. Kết cấu hạ tầng vùng đồng bào DTTS từng bước được hoàn thiện, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn huyện.

- Công tác giữ gìn, bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa đặc sắc của cộng đồng các DTTS luôn được quan tâm; một số sản phẩm văn hóa vật thể, phi vật thể được khôi phục, lưu truyền; hàng năm tổ chức, tham gia ngày hội văn hóa các dân tộc, góp phần nâng cao đời sống tinh thần của nhân dân.

2. Một số hạn chế

- Nguồn lực đầu tư cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số còn hạn chế, chưa đáp ứng được nhu cầu, nên nhìn chung, kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số chậm phát triển so với mặt bằng chung của huyện; đời sống của người đồng bào dân tộc thiểu số còn nhiều khó khăn, số hộ nghèo, hộ cận nghèo trong đồng bào dân tộc thiểu số còn cao. Cơ sở hạ tầng chưa được đầu tư đồng bộ; nhiều tuyến đường đã hư hỏng, xuống cấp, giao thông đi lại còn khó khăn; cơ sở vật chất y tế và trường, lớp học ở một số xã chưa đáp ứng yêu cầu; cuộc sống của đồng bào dân tộc thiểu số còn chưa ổn định (làng Ia Jol và Ia Brêl, xã Ia Le; làng Tông Két, làng Mung xã Ia Hla; làng Kuăi, xã Ia Blư).

- Thành phần dân tộc: Jrai 46 người, Ba na 02 người, Dao 01 người, Tày 02 người, Kinh 02 người.

- Chức danh: Già làng: 20 người; Trưởng thôn 07 người; cán bộ hưu trí 02 người; người sản xuất kinh doanh giỏi 01 người; người có uy tín 20 người; chức sắc tôn giáo 02 người, nhà giáo 01 người

⁹ Năm 2021 có 99% số hộ dân được sử dụng điện lưới quốc gia và các nguồn điện khác phù hợp; có 99,5 số hộ được sử dụng nước hợp vệ sinh; 100% số hộ đồng bào dân tộc thiểu số được xem truyền thanh truyền hình

- Tỷ lệ học sinh đi học đúng độ tuổi còn thấp ở bậc trung học phổ thông¹⁰, tỷ lệ người từ 15 tuổi trở lên đọc thông, viết thạo tiếng phổ thông chiếm 90%; tỷ lệ suy dinh dưỡng ở trẻ em dưới 5 tuổi còn cao¹¹; mức độ thụ hưởng văn hóa của đồng bào dân tộc thiểu số còn thấp, một số bản sắc văn hóa truyền thống của một số dân tộc thiểu số đang bị mai một¹²; tập tục lạc hậu còn tồn tại ở một số địa phương.

- Một số bộ phận cán bộ làm công tác dân tộc ở cơ sở chưa đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới; tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức là người dân tộc thiểu số làm việc trong các cơ quan nhà nước ở địa phương còn thấp¹³. Tại một số địa bàn còn tiềm ẩn nguy cơ phức tạp về an ninh chính trị, dễ bị các thế lực thù địch, phản động lợi dụng chống phá gây chia rẽ khối đại đoàn kết dân tộc.

3. Nguyên nhân của hạn chế

a) Nguyên nhân chủ quan

Nguồn lực đầu tư trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số của địa phương chưa đáp ứng được yêu cầu; huy động đóng góp của cộng đồng còn hạn chế. Công tác tuyên truyền vận động học sinh đi học đúng độ tuổi còn chưa tập trung, quyết liệt. Một số học sinh bỏ học tham gia lao động sớm do điều kiện, hoàn cảnh gia đình khó khăn.

Hệ thống tổ chức làm công tác dân tộc từ huyện đến cơ sở chưa đáp ứng được yêu cầu, nhiệm vụ của công tác dân tộc trong tình hình mới.

Chưa khai thác được tiềm năng, lợi thế, phát huy nội lực của người dân để đẩy mạnh phát triển toàn diện vùng đồng bào dân tộc thiểu số của huyện.

Công tác quản lý, chỉ đạo điều hành về phát triển kinh tế - xã hội, giảm nghèo ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số của một số cấp ủy, chính quyền cơ sở còn hạn chế.

b) Nguyên nhân khách quan

Xuất phát điểm về kinh tế - xã hội của huyện thấp; trình độ dân trí của đồng bào dân tộc thiểu số còn thấp, tập quán sản xuất còn lạc hậu; hạ tầng cơ sở phục vụ dân sinh và phát triển kinh tế - xã hội ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số còn thiếu.

Một số địa bàn dân cư giao thông đi lại khó khăn; tình hình biến đổi khí hậu, thiên tai, dịch bệnh xảy ra khó lường. Một bộ phận không nhỏ hộ nghèo dân tộc thiểu số thiếu ý chí vươn lên thoát nghèo, còn trông chờ sự hỗ trợ của nhà nước và cộng đồng.

¹⁰ Tỷ lệ học sinh người DTTS đi học đúng độ tuổi ở bậc học THPT <35%.

¹¹ Năm 2021 tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng dưới 5 tuổi theo cân nặng 17,85%.

¹² Một số lễ hội: Bò mả, Mừng lúa mới, ... ngành nghề truyền thống: dệt thổ cẩm, đan lát, tạc tượng ... có nguy cơ bị mai một.

¹³ Tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức là người đồng bào dân tộc thiểu số làm việc trong các cơ quan nhà nước cấp huyện năm 2021 chiếm 13,9%.

Phần thứ III

MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI

I. QUAN ĐIỂM, PHẠM VI VÀ MỤC TIÊU CỦA ĐỀ ÁN

1. Quan điểm

Lãnh đạo phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số là chủ trương của Đảng và Nhà nước trong nhiều năm qua. Việc quan tâm đầu tư phát triển kinh tế, đảm bảo an sinh xã hội trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số có ý nghĩa quan trọng; đặc biệt là đối với các đối tượng yếu thế, các hộ nghèo, hộ có hoàn cảnh khó khăn tại các vùng sâu, vùng xa. Đẩy mạnh công tác xóa đói, giảm nghèo bền vững, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của người dân, thu hẹp dần khoảng cách về mức sống so với vùng phát triển.

Đặt dưới sự lãnh đạo trực tiếp của các cấp ủy, sự chỉ đạo sâu sát, cụ thể và đồng bộ của các cấp chính quyền, sự giám sát của HĐND, sự phối hợp tích cực của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội; đồng thời phát huy vai trò làm chủ của người dân từ việc xây dựng kế hoạch đến tổ chức thực hiện, giám sát, đánh giá hiệu quả của việc thực hiện đề án.

2. Mục tiêu tổng quát

Tập trung lồng ghép nguồn lực các Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới, Giảm nghèo bền vững và các Chương trình trọng tâm theo Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện lần thứ X để phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số gắn với giảm nghèo bền vững, nâng cao chất lượng đời sống của người đồng bào dân tộc thiểu số. Thu hẹp dần khoảng cách về mức sống, thu nhập của vùng đồng bào dân tộc thiểu số so với mặt bằng chung của huyện.

3. Mục tiêu cụ thể đến năm 2025

- *Về giảm nghèo*: Phân đầu giảm tỷ lệ hộ nghèo đồng bào dân tộc thiểu số hàng năm bình quân trên 3% (áp dụng theo chuẩn nghèo giai đoạn 2022-2025); Trên địa bàn huyện không còn xã đặc biệt khó khăn.

- *Về thu nhập*: Phân đầu mức thu nhập bình quân của người dân tộc thiểu số tăng lên trên 2 lần so với năm 2020.

- *Về hạ tầng*: 100% số trường, lớp học và trạm y tế được xây dựng kiên cố; 100% số hộ dân được sử dụng điện lưới quốc gia và các nguồn điện khác phù hợp; phân đầu 99,4% người đồng bào dân tộc thiểu số được sử dụng nước hợp vệ sinh; 100% đồng bào dân tộc thiểu số được xem truyền hình và nghe phát thanh.

- *Về bố trí, sắp xếp ổn định dân cư*: Hoàn thành cơ bản (100%) công tác định canh, định cư; sắp xếp, bố trí ổn định 95% số hộ di cư không theo quy hoạch. Giải quyết cơ bản tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất cho đồng bào DTTS.

- *Về giáo dục - đào tạo:* Tỷ lệ huy động trẻ em trong độ tuổi đến trường ở các cấp học: bậc học mẫu giáo 5 tuổi trên 98%, bậc học tiểu học trên 99,8%, bậc học trung học cơ sở trên 97,8%, bậc học trung học phổ thông trên 60%; người từ 15 tuổi trở lên đọc thông, viết thạo tiếng phổ thông trên 90%.

- *Về y tế:* Tăng cường công tác y tế để đồng bào dân tộc thiểu số được tiếp cận các dịch vụ chăm sóc sức khỏe hiện đại; tiếp tục khống chế, tiến tới loại bỏ dịch bệnh ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; 98% đồng bào DTTS tham gia bảo hiểm y tế. Trên 85% phụ nữ có thai được khám thai định kỳ, sinh con ở cơ sở y tế hoặc được sự trợ giúp của cán bộ y tế; giảm tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng thể nhẹ cân xuống dưới 15%.

- *Về lao động, việc làm:* Phần đầu 50% lao động trong độ tuổi được đào tạo nghề phù hợp với nhu cầu, điều kiện của người dân tộc thiểu số, phần đầu đạt 83% người lao động có việc làm mới hoặc tiếp tục làm nghề cũ nhưng có năng suất, thu nhập cao hơn sau khi học nghề.

- *Về văn hóa:* 100% các xã, thị trấn có đội công chiêng mang tính chuyên nghiệp phục vụ các nhiệm vụ chính trị của huyện; Phần đầu sưu tầm và phục hưng truyền thuyết Vua nước tại làng Tao, xã Ia Phang công nhận là di sản văn hóa phi vật thể cấp tỉnh.

- *Về đội ngũ cán bộ làm công tác dân tộc:* Đào tạo, quy hoạch, xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức làm công tác dân tộc từ huyện đến cơ sở; 100% đơn vị hành chính cấp xã vùng dân tộc thiểu số và miền núi có cán bộ phụ trách công tác dân tộc. Bảo đảm tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức người dân tộc thiểu số phù hợp với tỷ lệ dân số là người dân tộc thiểu số (ưu tiên các dân tộc thiểu số tại chỗ) và phù hợp với tình hình thực tế của từng địa phương.

4. Phạm vi, đối tượng của Đề án

a) Phạm vi thực hiện của Đề án:

Đề án thực hiện ở địa bàn các xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, các xã, thôn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn giai đoạn 2022-2025.

b) Đối tượng

- Xã, thôn, làng đặc biệt khó khăn;
- Hộ gia đình, cá nhân là người dân tộc thiểu số;
- Hộ gia đình, cá nhân người dân tộc Kinh thuộc diện hộ nghèo, cận nghèo sinh sống ở xã, thôn, làng đặc biệt khó khăn.
- Doanh nghiệp, hợp tác xã, các tổ chức kinh tế, xã hội hoạt động ở địa bàn vùng đặc biệt khó khăn.

II. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI

1. Nhiệm vụ

1.1. Về phát triển kinh tế

Khai thác tiềm năng, lợi thế so sánh, huy động mọi nguồn lực đầu tư phát triển mạnh kinh tế hàng hóa nhiều thành phần; chú trọng phát triển kinh tế tập

thê, hợp tác xã, kinh tế tư nhân, gắn sản xuất với chế biến, kết nối với thị trường, tạo chuỗi sản phẩm, gia tăng giá trị.

a) Đối với nông, lâm, ngư nghiệp

- Tiếp tục thực hiện hiệu quả cơ cấu lại ngành, phát triển nông nghiệp hàng hóa tập trung quy mô lớn theo hướng hiện đại, nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững;

- Tiếp tục hình thành và phát triển vùng chuyên canh tập trung với quy mô hợp lý, chú trọng phát triển sản xuất cây trồng, vật nuôi có giá trị như: cây cà phê, cây ăn quả, dược liệu, rau màu...; phát triển chăn nuôi theo hướng công nghệ cao, ... theo mô hình trang trại, ở những địa bàn phù hợp, tạo sản phẩm đặc sản, độc đáo thay thế cho sản phẩm cao sản, đại trà để nâng cao giá trị và hiệu quả sản xuất kinh doanh;

- Tập trung đầu tư mạnh cho phát triển kinh tế lâm nghiệp, sản xuất nguyên liệu gắn với chế biến sản phẩm gỗ rừng trồng. Rà soát, cơ cấu lại đất đai; hoàn thành giao đất, giao rừng gắn với định canh, định cư; giải quyết đất ở, đất sản xuất cho hộ đồng bào DTTS; kiên quyết chấm dứt tình trạng phá rừng làm nương rẫy và hủy hoại đất rừng.

- Tổ chức triển khai theo đúng cơ chế, chính sách, định mức khoán bảo vệ rừng, thật sự tạo sinh kế cho người dân sống gần với rừng. Đẩy mạnh tuyên truyền vận động đi đôi với xử lý nghiêm minh các vụ việc xâm hại rừng, đất rừng.

- Đổi mới và phát triển các hình thức tổ chức sản xuất, hoàn thiện quan hệ sản xuất phù hợp: Phát triển các hình thức hợp tác, liên kết sản xuất, tiêu thụ nông sản theo chuỗi giá trị; hoàn thiện chính sách khuyến khích phát triển kinh tế hợp tác, thực hiện vai trò chủ đạo trong sản xuất, đảm bảo nông dân được hưởng nhiều ưu đãi hơn khi tham gia hợp tác xã; tạo môi trường thuận lợi, khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn. Phát triển hình thức đầu tư có sự tham gia giữa nhà nước và tư nhân.

- Đổi mới cơ chế chính sách, huy động các nguồn lực đa dạng cho phát triển nông nghiệp, nông thôn: Tiếp tục hoàn thiện môi trường đầu tư, thu hút doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn; huy động nhiều nguồn lực cho phát triển nông nghiệp; lồng ghép các nguồn lực trên cùng một địa bàn.

b) Đối với công nghiệp - xây dựng

- Đẩy mạnh phát triển sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp, phát triển lĩnh vực ngành nghề thủ công mỹ nghệ; ưu tiên các chương trình, đề án hỗ trợ phát triển công nghiệp phục vụ nông nghiệp, nông thôn; công nghiệp chế biến nông - lâm - thủy sản; công nghiệp hỗ trợ; hỗ trợ phát triển sản xuất các sản phẩm có thị trường xuất khẩu; sản xuất sản phẩm sử dụng nguyên liệu tại chỗ, sử dụng nhiều lao động. Hỗ trợ nông dân đầu tư áp dụng cơ giới hóa trong sản xuất phù hợp với điều kiện của từng vùng, từng loại cây trồng, vật nuôi; đẩy mạnh phát triển công nghiệp chế biến, công nghiệp dịch vụ kỹ thuật cho sản xuất.

c) Đối với thương mại, dịch vụ, du lịch

- Khai thác thế mạnh về tài nguyên thiên nhiên, văn hóa, ẩm thực độc đáo, đặc sắc của các dân tộc để đẩy mạnh phát triển du lịch sinh thái, trải nghiệm; du lịch lịch sử - văn hóa, phát triển sản phẩm du lịch “xanh”, tôn trọng yếu tố tự nhiên và văn hóa địa phương ở vùng DTTS.

- Tiếp tục rà soát, quy hoạch, đầu tư hạ tầng dịch vụ viễn thông, thông tin, tín dụng, vận tải... để theo kịp xu thế của thị trường.

- Khuyến khích các thành phần kinh tế đầu tư phát triển các chợ nông thôn và các loại hình chợ phù hợp, tiêu thụ sản phẩm hàng hóa của người dân. Đẩy mạnh ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ trong phát triển các kênh phân phối và thương mại điện tử.

1.2. Về lĩnh vực văn hóa-xã hội

a) Về giáo dục - đào tạo

- Quan tâm đầu tư phát triển các trường phổ thông dân tộc nội trú và bán trú. Đổi mới phương thức cử tuyển nhằm nâng cao chất lượng đào tạo và hiệu quả sử dụng nguồn nhân lực cho vùng đồng bào DTTS;

- Tiếp tục thực hiện đồng bộ các giải pháp để giữ vững thành quả phổ cập giáo dục mầm non 5 tuổi, phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi, phổ cập trung học cơ sở, xóa mù chữ và chống tái mù chữ. Thực hiện tốt chủ trương giáo dục hướng nghiệp và phân luồng học sinh sau trung học cơ sở;

- Phát triển và nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục vùng đồng bào DTTS. Đảm bảo đủ giáo viên cho từng cấp học, môn học, đội ngũ phải đáp ứng yêu cầu của đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo;

- Hoàn thiện và thực hiện tốt chế độ, chính sách đối với người dạy, người học vùng đồng bào DTTS.

b) Phát triển giáo dục nghề nghiệp, nâng cao chất lượng nhân lực và giải quyết việc làm là yếu tố quan trọng nhất trong việc tạo sinh kế cho thanh niên vùng đồng bào DTTS. Tập trung phát triển giáo dục nghề nghiệp, nâng cao chất lượng nhân lực và giải quyết việc làm theo hướng:

- Triển khai thực hiện đồng bộ, hiệu quả các chương trình, đề án, chính sách về phát triển giáo dục nghề nghiệp, giải quyết việc làm. Ưu tiên, tập trung đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, trang thiết bị cho cơ sở giáo dục nghề nghiệp. Phát triển các hình thức giáo dục nghề nghiệp phù hợp với điều kiện tự nhiên và tập quán dân cư trên địa bàn vùng đồng bào DTTS, vùng đặc biệt khó khăn; nhất là đào tạo trình độ sơ cấp và ngắn hạn dưới 3 tháng, tạo điều kiện cho đồng bào DTTS học nghề, tạo và tự tạo việc làm, tham gia xuất khẩu lao động, nâng cao thu nhập, cải thiện đời sống;

- Dạy nghề theo nhu cầu lao động của xã hội theo hướng hỗ trợ sau đào tạo.

c) Về y tế và dân số

- Thực hiện chính sách y tế, chăm sóc sức khỏe và dân số cho đồng bào DTTS theo các nhóm: Ưu tiên giải quyết các vấn đề sức khỏe của đồng bào

DTTS; Tăng cường khả năng tiếp cận cũng như cung cấp dịch vụ y tế, dân số có chất lượng cho đồng bào; Giám sát nặng chi phí chăm sóc sức khỏe cho người nghèo và đồng bào DTTS. Trong đó quan tâm thực hiện một số chính sách cụ thể: bảo hiểm y tế; khuyến khích đồng bào DTTS sinh con tại cơ sở y tế xã; chính sách phát triển mạng lưới nhân viên y tế thôn, làng; chính sách phát triển mạng lưới và nâng cao chất lượng dịch vụ về dân số tại vùng đồng bào DTTS...;

- Tăng cường hướng dẫn các biện pháp vệ sinh phòng bệnh, tăng cường truyền thông về các bệnh lây nhiễm và không lây nhiễm, các biện pháp kế hoạch hóa gia đình, vấn đề bình đẳng giới, tác hại của tình trạng tảo hôn, kết hôn cận huyết thống. Triển khai các chương trình tiêm chủng mở rộng, dinh dưỡng và an toàn thực phẩm, khơi dậy các phong trào luyện tập thể dục, thể thao, có lối sống lành mạnh, chế độ dinh dưỡng hợp lý để nâng cao sức khỏe, tầm vóc, thể lực của người dân vùng đồng bào DTTS;

- Đầu tư xây dựng và hỗ trợ trang thiết bị cho các cơ sở y tế để khám bệnh, chữa bệnh cho người dân vùng đồng bào DTTS.

- Tiếp tục quan tâm đào tạo, phát triển nguồn nhân lực y tế vùng đồng bào DTTS, trong đó chú trọng đào tạo cán bộ có trình độ chuyên sâu, đặc biệt là cán bộ DTTS người địa phương.

d) Về bảo tồn và phát triển văn hóa các dân tộc

- Tập trung triển khai thực hiện Nghị quyết số 33-NQ/TW ngày 09/6/2014 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước;

- Thực hiện bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa vật thể và phi vật thể của các DTTS trên địa bàn huyện; huy động nguồn lực của toàn xã hội cùng tham gia giữ gìn, bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa của các DTTS; tạo sự chuyển biến mạnh mẽ về nhận thức, ý thức bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa của các DTTS;

- Phát triển toàn diện văn hóa DTTS; giữ gìn, bảo tồn, tôn vinh và phát huy bản sắc văn hóa thông qua bảo tồn ngôn ngữ, chữ viết của đồng bào DTTS;

- Xây dựng và phát triển hệ thống thiết chế văn hóa, tạo điều kiện để nhân dân tham gia vào công cuộc xây dựng đời sống văn hóa mới, góp phần nâng cao mức hưởng thụ văn hóa của người dân vùng đồng bào DTTS;

- Bảo tồn và phát huy lễ hội truyền thống tốt đẹp của các DTTS, xây dựng, nhân rộng sản phẩm văn hóa phục vụ phát triển du lịch tại các địa phương;

- Hỗ trợ xây dựng, tổ chức phong trào văn hóa, văn nghệ, phát huy vai trò làm chủ về văn hóa của đồng bào DTTS, đặc biệt là đối với các chương trình, hoạt động lễ hội và biểu diễn văn hóa nghệ thuật truyền thống của đồng bào DTTS;

- Tổ chức hoạt động nghệ thuật chuyên nghiệp phục vụ đồng bào DTTS;

- Ưu tiên đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng cán bộ văn hóa là người DTTS cơ bản đáp ứng được về trình độ, năng lực triển khai các nhiệm vụ ở cơ sở.

1.3. Về quốc phòng, an ninh

- Tiếp tục triển khai, cụ thể hóa các chủ trương, chỉ thị, nghị quyết của Đảng, chính sách của Nhà nước về công tác dân tộc liên quan đến quốc phòng và đảm bảo an ninh vùng đồng bào DTTS. Tập trung tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức cho cán bộ, chiến sỹ, tuyên truyền vận động nhân dân về đường lối, mục tiêu phát triển đất nước và chính sách đại đoàn kết toàn dân tộc của Đảng trong tình hình mới, từ đó người dân vùng đồng bào DTTS sẽ nhận diện được rõ âm mưu, thủ đoạn hoạt động của các thế lực thù địch nhằm kích động, chia rẽ khối đại đoàn kết toàn dân tộc, kích động tư tưởng ly khai, tự trị dân tộc... Động viên người dân vùng đồng bào DTTS tích cực tham gia vào phong trào quần chúng bảo vệ an ninh Tổ quốc, bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, đấu tranh phòng chống tội phạm, góp phần thực hiện thắng lợi các chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước về công tác dân tộc, phát triển KT-XH ở địa phương.

- Tích cực tham gia xây dựng, củng cố hệ thống chính trị cơ sở trên các địa bàn chiến lược; xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên vùng đồng bào DTTS đủ về số lượng, nâng cao về chất lượng, phối hợp giữa dân quân tự vệ với lực lượng công an xã, thị trấn và các lực lượng khác trong giữ gìn an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội ở cơ sở, qua đó góp phần xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân, gắn với thế trận an ninh nhân dân, xây dựng thế trận lòng dân vững chắc.

- Tổ chức tốt công tác nắm tình hình ở cơ sở, tâm tư, nguyện vọng của đồng bào DTTS, trên cơ sở đó kịp thời tham mưu cho cấp có thẩm quyền giải quyết các tình huống phát sinh, không để hình thành các “điểm nóng” về an ninh, trật tự, các vụ biểu tình, bạo loạn ở vùng đồng bào DTTS; giải quyết kịp thời những phức tạp liên quan đến hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo mới, tà đạo vùng đồng bào DTTS, đồng thời loại trừ những yếu tố nhạy cảm, không để kẻ địch và các thế lực phản động lợi dụng kích động quần chúng chống đối trong lĩnh vực “dân tộc”, “tôn giáo”, “dân chủ”, “nhân quyền”. Phát huy vai trò của người có uy tín trong đồng bào DTTS trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

- Phòng chống tội phạm về ma túy, “buôn bán người”; phòng chống phục hồi Fulro, vượt biên trên địa bàn.

- Tăng cường đầu tư phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao mức sống của người dân, thực hiện tốt quy hoạch dân cư theo hướng phát triển bền vững, gắn với đảm bảo an ninh - quốc phòng.

- Tuyên truyền, phổ biến kiến thức về Quốc phòng - An ninh cho đồng bào DTTS. Chú trọng bồi dưỡng tạo nguồn chiến sỹ, cán bộ người DTTS trong lực lượng vũ trang, kết hợp chặt chẽ việc đào tạo, bồi dưỡng với quy hoạch, quản lý, sắp xếp sử dụng cán bộ người DTTS, đảm bảo tính kế thừa vững chắc. Làm tốt công tác đào tạo phát triển Đảng nhằm nâng cao chất lượng chính trị, tạo nguồn cán bộ cho các đơn vị lực lượng vũ trang làm nhiệm vụ ở vùng đồng bào DTTS.

2. Giải pháp

2.1. Tiếp tục thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước liên quan đến công tác dân tộc, chính sách dân tộc; lồng ghép các Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới và Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững; Nghị quyết của Đảng bộ huyện lần thứ X (nhiệm kỳ 2020-2025) về phát triển kết cấu hạ tầng đồng bộ; đẩy mạnh thu hút các nguồn lực đầu tư cho phát triển nông nghiệp, công nghiệp chế biến, công nghiệp năng lượng tái tạo và du lịch; phát triển lâm nghiệp theo hướng bền vững, tăng cường sinh kế và nâng cao độ che phủ rừng thích ứng với biến đổi khí hậu. Tập trung triển khai thực hiện đồng bộ, có hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030 theo Nghị quyết số 88/2019/QH14, ngày 18/11/2019 và Nghị quyết số 120/2020/QH14, ngày 19/6/2020 của Quốc hội, gồm 10 dự án sau:

- Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt.
- Dự án 2: Quy hoạch, sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư ở những nơi cần thiết.
- Dự án 3: Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị.
- Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và các đơn vị sự nghiệp công của lĩnh vực dân tộc.
- Dự án 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực.
- Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch.
- Dự án 7: Chăm sóc sức khỏe nhân dân, nâng cao thể trạng, tầm vóc người dân tộc thiểu số; phòng, chống suy dinh dưỡng trẻ em.
- Dự án 8: Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em.
- Dự án 9: Đầu tư phát triển nhóm dân tộc rất ít người, nhóm dân tộc còn nhiều khó khăn.
- Dự án 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện chương trình.

2.2. Kiện toàn tổ chức bộ máy làm công tác dân tộc từ cấp huyện tới cấp xã theo Nghị quyết số 18-NQ/TW, ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; Nghị quyết số 19-NQ/TW, ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập và Kết luận số

65-KL/TW, ngày 30/10/2019 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 24-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX về công tác dân tộc trong tình hình mới và các văn bản, quy định pháp luật có liên quan để phù hợp với yêu cầu, nhiệm vụ công tác dân tộc; đảm bảo đồng bộ, thống nhất, ổn định và nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động quản lý nhà nước về công tác dân tộc nhằm đáp ứng yêu cầu tổ chức triển khai thực hiện tốt Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030.

2.3. Đẩy mạnh tuyên truyền mục tiêu của Chương trình sâu rộng đến các tầng lớp nhân dân, đặc biệt là người dân tộc thiểu số nhằm từng bước thay đổi và làm chuyển biến nhận thức về công tác dân tộc, chính sách dân tộc, giảm nghèo vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, khơi dậy ý thức tự lực, tự cường chủ động vươn lên của người dân tộc thiểu số, nhất là người dân tộc thiểu số nghèo. Thực hiện có hiệu quả Cuộc vận động “*Làm thay đổi nếp nghĩ, cách làm trong đồng bào dân tộc thiểu số để từng bước vươn lên thoát nghèo bền vững*”.

2.4. Thực hiện tốt Quy chế dân chủ ở cơ sở, đề cao vai trò giám sát của nhân dân đối với hoạt động của cán bộ, công chức, viên chức. Tăng cường tiếp xúc, đối thoại, tập trung chỉ đạo giải quyết những kiến nghị của nhân dân.

2.5. Huy động, lồng ghép các nguồn lực để thực hiện thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ của Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, trong đó ưu tiên bố trí thêm ngân sách địa phương để thực hiện một số lĩnh vực sau:

- Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

- Chú trọng xây dựng kết cấu hạ tầng và quy hoạch, bố trí, sắp xếp, ổn định dân cư tại địa bàn 3 xã: Ia Le, Ia Blư và Ia Hla phù hợp với cảnh quan, địa hình khu vực và đặc điểm kiến trúc của đồng bào dân tộc thiểu số.

- Huy động trẻ em trong độ tuổi đi học đến lớp; củng cố và phát triển hệ thống trường mầm non, phổ thông dân tộc nội trú, trường phổ thông dân tộc bán trú, trường phổ thông có học sinh bán trú; tổ chức tốt việc dạy - học, nuôi dưỡng và chăm sóc học sinh bán trú, nội trú; thực hiện đầy đủ các chế độ chính sách đối với nhà giáo, học sinh; đảm bảo đào tạo nghề nông thôn có địa chỉ và nhu cầu học tập của mọi người.

- Giữ gìn, phát huy bản sắc văn hóa tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch đi đôi với xóa bỏ phong tục tập quán lạc hậu.

2.6. Triển khai, thực hiện ứng dụng khoa học kỹ thuật, công nghệ và chuyển đổi số trên các lĩnh vực kinh tế, xã hội trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

2.7. Đẩy mạnh công tác nắm tình hình địa bàn, thường xuyên theo dõi, quan tâm đến đời sống, kinh tế, văn hóa, xã hội và an ninh vùng đồng bào dân tộc thiểu số nhất là tại các địa bàn, khu vực nhạy cảm về an ninh chính trị;

không để xảy ra các điểm nóng, phức tạp, không để các phần tử xấu lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo để kích động chống phá. Kịp thời khắc phục những thiệt hại do biến đổi khí hậu, thiên tai, dịch bệnh xảy ra ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

2.8. Tăng cường thanh tra, kiểm tra việc thực hiện các nhiệm vụ, chính sách và quy định của pháp luật, việc chấp hành pháp luật phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí. Thực hiện tốt công tác tiếp dân, xử lý đơn thư và giải quyết các vụ việc khiếu nại, tố cáo; thanh tra chuyên ngành theo thẩm quyền, kiểm tra, đôn đốc việc triển khai thực hiện các chương trình, dự án, các chính sách dân tộc ở địa phương nhằm kịp thời tháo gỡ vướng mắc, khắc phục những bất cập, tồn tại và hạn chế trong quản lý nhà nước; đẩy nhanh tiến độ, nâng cao chất lượng, hiệu quả thực hiện chính sách dân tộc.

III. KINH PHÍ THỰC HIỆN ĐỀ ÁN

Tổng mức vốn (tạm tính) là: **204.793 triệu đồng**, trong đó:

- *Vốn đầu tư phát triển: 124.843 triệu đồng.*

+ Ngân sách Trung ương: 111.899 triệu đồng

+ Ngân sách tỉnh: 11.040 triệu đồng

+ Ngân sách huyện: 1.904 triệu đồng

- *Vốn sự nghiệp: 53.722,5 triệu đồng.*

+ Ngân sách Trung ương: 51.490 triệu đồng

+ Ngân sách huyện: 2.232,5 triệu đồng

- *Vốn tín dụng chính sách: 26.227,5 triệu đồng.*

(Có dự kiến kế hoạch vốn thực hiện Đề án kèm theo)

Phần thứ IV TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các phòng ban, đơn vị cấp huyện

- Theo chức năng nhiệm vụ của phòng ban, đơn vị tham mưu, đề xuất UBND huyện xây dựng kế hoạch tổ chức thực hiện đề án, nguồn vốn và phương án phân bổ kế hoạch vốn ngân sách trung ương, ngân sách địa phương 05 năm và hằng năm thực hiện đối với Dự án, Tiểu dự án, nội dung thành phần thuộc lĩnh vực quản lý;

- Chịu trách nhiệm rà soát, xác định địa bàn, đối tượng, nội dung chính sách, hướng dẫn cơ quan, đơn vị, địa phương triển khai các nhiệm vụ và tổ chức thực hiện nội dung thành phần thuộc Chương trình được phân công chủ trì đảm bảo không chồng chéo, trùng lặp với các Chương trình, dự án, Đề án khác và nhiệm vụ thường xuyên của phòng ban, đơn vị, UBND các xã, thị trấn;

- Chủ trì, phối hợp với các phòng ban, đơn vị có liên quan tổ chức kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện nguồn lực và các chỉ tiêu, nhiệm vụ, nội dung thành phần Chương trình được phân công chủ trì theo quy định;

- Thực hiện đầy đủ chế độ báo cáo kết quả thực hiện nội dung thành phần và sử dụng nguồn vốn được giao gửi về Phòng Dân tộc và Phòng Tài chính-KH huyện để tổng hợp;

- Xây dựng và hướng dẫn cơ chế huy động thêm nguồn lực để thực hiện các nội dung do đơn vị chủ trì.

1.1. Phòng Dân tộc huyện

- Là cơ quan thường trực của đề án, có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các phòng ban, đơn vị cấp huyện (*sau đây gọi tắt là phòng ban, đơn vị*) liên quan tham mưu UBND huyện tổ chức triển khai thực hiện các nhiệm vụ của đề án;

- Tổng hợp, đề xuất kế hoạch và dự kiến phương án phân bổ vốn nguồn ngân sách nhà nước để thực hiện Chương trình giai đoạn 2021 - 2025 và hằng năm gửi Phòng Tài chính-KH, UBND huyện theo quy định;

- Phối hợp với các phòng ban, đơn vị liên quan hướng dẫn quy trình, tổ chức thực hiện kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện Chương trình; tổng hợp, báo cáo kết quả định kỳ, đột xuất cho cơ quan tổng hợp Kế hoạch thực hiện Chương trình, UBND tỉnh và Trung ương;

- Chủ trì, phối hợp các phòng ban, đơn vị thuộc huyện và Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn tổ chức triển khai thực hiện Tiểu Dự án 2 – DA 9: Giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng đồng bào DTTS&MN; Dự án 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào DTTS&MN. Kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình theo đúng quy định.

- Chủ trì, hướng dẫn, tổ chức thực hiện các Dự án, Tiểu dự án, Nội dung được phân công.

1.2. Phòng Giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện

- Phối hợp với UBND các xã, thị trấn và các phòng ban có liên quan của huyện tổ chức thực hiện vốn tín dụng chính sách, đảm bảo thực hiện một số nhiệm vụ nội dung của Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt;

- Hướng dẫn quy trình, thủ tục thực hiện chính sách vay vốn tín dụng đối với các Nội dung, Tiểu dự án, Dự án có nhu cầu vốn vay tín dụng chính sách theo các quy định hiện hành.

1.3. Ban quản lý Dự án Đầu tư Xây dựng huyện: Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành thuộc tỉnh, các phòng ban đơn vị thuộc huyện và UBND 03 xã: Ia Hla, Ia Le, Ia Blư tổ chức triển khai thực hiện nội dung Dự án 2: Quy hoạch, sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư ở những nơi cần thiết theo đúng quy định.

1.4. Phòng Tài chính-KH huyện.

- Thực hiện chức năng cơ quan tổng hợp Chương trình;

- Tổng hợp nhu cầu, dự kiến kinh phí thực hiện Chương trình vào kế hoạch 05 năm và kế hoạch hàng năm, báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định theo quy định của pháp luật;

- Chủ trì phối hợp với Phòng Dân tộc và các phòng ban, đơn vị có liên quan tham mưu báo cáo cấp có thẩm quyền cân đối, bố trí ngân sách địa phương (vốn đầu tư phát triển);

- Chủ trì, phối hợp với các phòng ban, đơn vị liên quan tổng hợp, cân đối, bố trí vốn; thẩm định nguồn vốn đầu tư theo tiến độ và kế hoạch đầu tư trung hạn, hằng năm tham mưu UBND huyện trình Hội đồng nhân dân huyện quyết định; phân bổ nguồn vốn Kế hoạch thực hiện Chương trình và các nguồn vốn khác có liên quan trong Kế hoạch thực hiện Chương trình (vốn đầu tư phát triển); hướng dẫn việc quản lý, sử dụng nguồn vốn đầu tư thực hiện Chương trình; đề xuất cân đối nguồn vốn địa phương 5 năm (2021 - 2025) và hằng năm; đề xuất cơ chế huy động nguồn lực, tạo nguồn vốn, hỗ trợ đầu tư thực hiện Chương trình;

- Chủ trì, phối hợp các phòng ban, đơn vị thuộc huyện và Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn tổ chức triển khai thực hiện Nội dung 3-Tiểu dự án 2 – DA 3: Thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào DTTS&MN theo đúng quy định.

- Hàng năm, trên cơ sở kinh phí bổ sung có mục tiêu vốn sự nghiệp từ ngân sách trung ương, kinh phí ngân sách tỉnh đối ứng vốn sự nghiệp thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN và dự toán được lập theo đúng quy định của các phòng ban, đơn vị có liên quan, tổng hợp, tham mưu trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định phân bổ cho các đơn vị, địa phương triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN theo đúng Kế hoạch được giao;

- Kiểm tra, đánh giá định kỳ và đột xuất hiệu quả việc sử dụng vốn đầu tư cho Chương trình.

1.5. Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

- Thực hiện các nhiệm vụ được giao chủ trì, ngoài ra Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện chủ trì, phối hợp thực hiện một số nhiệm vụ sau:

- Chủ trì, phối hợp với các phòng ban, đơn vị có liên quan, UBND các xã, thị trấn thẩm định các nội dung liên quan đến lĩnh vực ngành quản lý (theo quy mô, cấp công trình,...) trình cấp có thẩm quyền xem xét, phê duyệt;

- Chủ trì, phối hợp các phòng ban, đơn vị thuộc huyện và Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn tổ chức triển khai thực hiện Nội dung 1-Tiểu dự án 2 – DA 3: Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị theo đúng quy định.

- Chủ trì, phối hợp với các phòng ban, đơn vị, UBND các xã, thị trấn triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên vùng đồng bào dân tộc thiểu số, đặc biệt là làng đồng bào dân tộc thiểu số đạt chuẩn về nông thôn mới; hướng dẫn lồng ghép thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới với các chương trình, dự án khác trên địa bàn huyện.

- Hướng dẫn xây dựng mô hình, dự án phát triển sản xuất liên kết chuỗi giá trị thuộc phạm vi quản lý của ngành.

1.6. Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội

- Thực hiện các nhiệm vụ được giao chủ trì, ngoài ra Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội huyện chủ trì, phối hợp thực hiện một số nhiệm vụ sau:

- Chủ động nắm bắt nhu cầu tuyển dụng lao động của các doanh nghiệp có điều kiện làm việc phù hợp, đảm bảo quyền lợi để tư vấn, giới thiệu việc làm cho người lao động. Đẩy mạnh các hoạt động tư vấn, giới thiệu việc làm, tư vấn học nghề cho người lao động.

- Chủ trì, phối hợp các phòng ban, đơn vị thuộc huyện và Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn tổ chức triển khai thực hiện Tiểu dự án 3 – DA 5: Dự án phát triển giáo dục nghề nghiệp và giải quyết việc làm cho người lao động vùng DTTS&MN theo đúng quy định.

- Chủ trì hướng dẫn, đôn đốc các địa phương thực hiện có hiệu quả các Tiểu dự án hỗ trợ việc làm bền vững, đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 và Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025.

1.7. Phòng Nội vụ

- Chủ trì phối hợp với các phòng ban, đơn vị có liên quan, UBND các xã, thị trấn tham mưu, hướng dẫn kiến toàn hệ thống các cơ quan làm công tác dân tộc từ cấp huyện và cấp xã đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới;

- Tham mưu, đề xuất các nhiệm vụ, giải pháp xây dựng hệ thống chính trị ở vùng đồng bào DTTS&MN đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ. Phối hợp với các cơ quan, đơn vị, các cấp chính quyền cơ sở thực hiện công tác tuyển dụng, quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, sử dụng cán bộ, công chức là người DTTS, đảm bảo các DTTS có tỷ lệ cán bộ hợp lý tham gia trong hệ thống chính trị;

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị, UBND các xã, thị trấn tham mưu, triển khai thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở gắn với thực hiện Kết luận số 43-KL/TW ngày 07/01/2019 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 25-NQ/TW ngày 03/6/2013 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác dân vận trong tình hình mới; Kết luận số 120-KL/TW ngày 07/01/2016 của Bộ Chính trị (khóa XI) về tiếp tục đẩy mạnh, nâng cao chất lượng, hiệu quả việc xây dựng và thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở;

- Tuyên truyền, phổ biến các chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo cho nhân dân, đặc biệt là các tín đồ, chức sắc, chức việc tôn giáo và đồng bào DTTS. Tham mưu, đề xuất giải quyết kịp thời các kiến nghị, đề nghị hợp pháp, chính đáng của các tổ chức, cá nhân liên quan đến công tác tôn giáo trong vùng đồng bào DTTS&MN. Đẩy mạnh công tác nắm tình hình địa bàn, không để xảy ra các điểm nóng, phức tạp, không để các phần tử xấu lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo để kích động chống phá.

1.8. Phòng Kinh tế và Hạ tầng

- Tăng cường ứng dụng khoa học kỹ thuật, công nghệ và chuyển đổi số trên các lĩnh vực kinh tế - xã hội trong vùng đồng bào DTTS&MN;

- Đẩy mạnh việc ứng dụng khoa học công nghệ và chuyển giao tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất, bảo quản, chế biến nông lâm sản, nhằm nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh trên thị trường, đặc biệt chú trọng việc

chuyển giao khoa học kỹ thuật, ứng dụng công nghệ cao trong các mô hình liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị, các vùng sản xuất tập trung theo hướng hàng hóa gắn trực tiếp với đồng bào DTTS;

- Chủ trì, phối hợp với các phòng ban, đơn vị, UBND các xã, thị trấn và cơ quan liên quan thẩm định các nội dung liên quan đến lĩnh vực ngành (theo quy mô, cấp công trình); tham mưu UBND huyện kịp thời điều chỉnh các quy hoạch theo quy định để tháo gỡ các vướng mắc của các dự án đầu tư trong ngân sách và ngoài ngân sách; phối hợp tham mưu giải pháp về chính sách hỗ trợ nhà ở, chính sách quy hoạch, sắp xếp, bố trí ổn định dân cư cho các đối tượng thuộc Chương trình; Kịp thời hướng dẫn các xã, thị trấn trong quá trình triển khai thực hiện các Dự án, tiểu dự án, Nội dung về đầu tư kết cấu hạ tầng; trên cơ sở hướng dẫn của Bộ, ngành, cung cấp UBND các xã, thị trấn các thiết kế mẫu, thiết kế điển hình áp dụng theo cơ chế đặc thù theo đúng quy định (đặc biệt: thiết kế mẫu nhà ở)

- Chủ trì, phối hợp với các phòng ban, đơn vị, UBND các xã, thị trấn tập trung rà soát tham mưu, kiến nghị cấp có thẩm quyền tháo gỡ các vướng mắc về cơ chế, chính sách, pháp luật triển khai có hiệu quả chính sách hỗ trợ nhà ở xã hội.

- Chủ trì, phối hợp với các phòng ban, đơn vị, UBND các xã, thị trấn tham mưu UBND huyện các nhiệm vụ, giải pháp về phát triển giao thông phục vụ sản xuất và đời sống, thúc đẩy giao thương hàng hóa trong vùng đồng bào DTTS&MN trên địa bàn huyện đảm bảo hoàn thành mục tiêu của Chương trình.

1.9. Thanh tra huyện

Chủ trì, phối hợp với các phòng ban, đơn vị, UBND các xã, thị trấn triển khai thanh tra, kiểm tra việc thực hiện các nhiệm vụ, chính sách và quy định của pháp luật, việc chấp hành pháp luật phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí. Thực hiện tốt công tác tiếp dân, xử lý đơn thư và giải quyết các vụ việc khiếu nại, tố cáo.

1.10. Phòng Tài nguyên và Môi trường

- Chủ trì, phối hợp với các phòng ban, đơn vị, UBND các xã, thị trấn tham mưu UBND huyện các nhiệm vụ, giải pháp về khai thác, bảo vệ nguồn tài nguyên thiên nhiên, môi trường; phối hợp tham mưu giải pháp về giải quyết đất ở, đất sản xuất cho các đối tượng thuộc Chương trình;

- Hướng dẫn quản lý, giám sát khai thác, sử dụng có hiệu quả các nguồn tài nguyên phục vụ xây dựng nông thôn mới và giải pháp về xử lý nước thải, rác thải, bảo vệ môi trường sinh thái để kịp thời khắc phục những thiệt hại do biến đổi khí hậu, thiên tai, dịch bệnh xảy ra ở vùng đồng bào DTTS&MN.

1.11. Bảo hiểm xã hội huyện

Huy động, lồng ghép mọi nguồn lực hợp pháp nhằm hỗ trợ mức đóng bảo hiểm y tế cho người DTTS; tăng cường công tác tuyên truyền, vận động người DTTS tích cực, chủ động tham gia bảo hiểm y tế.

1.12. Chi Cục Thống kê khu vực Chư Sê-Chư Pêh

Tăng cường, nâng cao chất lượng thông tin thống kê, chế độ báo cáo thống kê của ngành; thực hiện tốt cơ chế phối hợp, cung cấp, phổ biến thông tin

trong công tác thông kê, nhất là những thông tin có tác động ảnh hưởng đến vùng đồng bào DTTS&MN.

1.13. Công an huyện

Chủ trì phối hợp với các phòng ban, đơn vị, UBND các xã, thị trấn nắm chắc tình hình an ninh, chính trị, trật tự an toàn xã hội trong vùng đồng bào DTTS. Kiên quyết đấu tranh với các thế lực thù địch lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo gây chia rẽ đoàn kết dân tộc, chống phá Đảng, Nhà nước. Tích cực thực hiện công tác tuyên truyền, phổ biến cho Nhân dân nâng cao kiến thức quốc phòng, an ninh, nâng cao ý thức cảnh giác, phối hợp chặt chẽ với các lực lượng vũ trang xử lý thông tin sai sự thật, xuyên tạc, gây hoang mang, kích động người DTTS, đồng bào theo tôn giáo, có đạo trong vùng đồng bào DTTS&MN. Thực hiện tốt các nhiệm vụ công tác quốc phòng, an ninh trong vùng đồng bào DTTS&MN gắn với nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

1.14. Ban Chỉ huy Quân sự huyện

- Phối hợp chặt chẽ với cấp ủy, chính quyền, các phòng ban, đơn vị, tổ chức chính trị - xã hội địa phương xây dựng hệ thống chính trị cơ sở vững mạnh;
- Thường xuyên đổi mới, tăng cường năng lực thông tin, tuyên truyền và thông tin đối ngoại trong vùng đồng bào DTTS&MN; chỉ đạo công tác tuyên truyền, phổ biến chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về lĩnh vực quân sự để nâng cao cảnh giác của đồng bào các DTTS trước âm mưu, luận điệu tuyên truyền xuyên tạc, kích động chống phá của các thế lực thù địch, phản động; xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân vùng đồng bào DTTS&MN vững chắc.

1.15. Phòng Văn hóa-TT, Trung tâm Văn hóa-TT&TT huyện

Có trách nhiệm thực hiện nhiệm vụ tuyên truyền theo chức năng, nhiệm vụ được giao, đẩy mạnh tuyên truyền mục tiêu của Chương trình sâu rộng đến các tầng lớp nhân dân, đặc biệt là người DTTS nhằm từng bước thay đổi và làm chuyển biến nhận thức về công tác dân tộc, giảm nghèo vùng đồng bào DTTS&MN, khơi dậy ý thức tự lực, tự cường chủ động vươn lên của người DTTS, nhất là người DTTS nghèo.

Chủ trì; phối hợp, hướng dẫn cùng Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn tổ chức triển khai thực hiện Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các DTTS gắn với phát triển du lịch theo đúng quy định.

1.16. Hội liên hiệp Phụ nữ huyện

Có trách nhiệm thực hiện nhiệm vụ tuyên truyền theo chức năng, nhiệm vụ được giao, đẩy mạnh tuyên truyền mục tiêu nâng cao nhận thức, hỗ trợ chăm lo đời sống vật chất, tinh thần, bảo vệ, chăm sóc phụ nữ và trẻ em, góp phần thực hiện mục tiêu bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

Chủ trì; phối hợp, hướng dẫn cùng Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn tổ chức triển khai thực hiện Dự án 8: Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em theo đúng quy định

2. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam huyện và các tổ chức chính trị - xã hội huyện

Thực hiện giám sát, phản biện xã hội trong quá trình tổ chức triển khai thực hiện Chương trình. Tổ chức tuyên truyền, phổ biến các chủ trương, chính sách của Nhà nước về công tác dân tộc và thực hiện chính sách dân tộc, về Kế hoạch thực hiện Chương trình của huyện.

3. Trách nhiệm của UBND các xã, thị trấn

- Xây dựng kế hoạch thực hiện Chương trình giai đoạn 2021 - 2025 và kế hoạch chi tiết hằng năm gửi các cơ quan chủ trì Dự án, Tiểu dự án, nội dung thành phần của Chương trình, Phòng Dân tộc, Phòng Tài chính-KH huyện và các cơ quan liên quan theo quy định;

- Huy động các nguồn lực và tổ chức triển khai Kế hoạch thực hiện Chương trình theo chỉ đạo của UBND tỉnh, huyện và các hướng dẫn chuyên môn của tỉnh, huyện; phân công rõ trách nhiệm của các cá nhân, cán bộ, Đảng viên trong việc tổ chức thực hiện và đề cao tinh thần trách nhiệm của từng cá nhân, cán bộ, Đảng viên, phát huy tính dân chủ ở cơ sở;

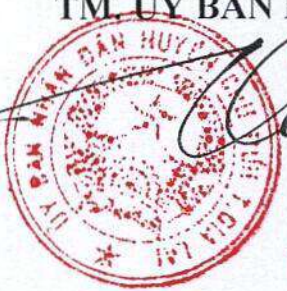
- Chịu trách nhiệm sử dụng kinh phí của Chương trình theo đúng mục tiêu, nhiệm vụ được giao trên địa bàn có hiệu quả, không để thất thoát; đảm bảo việc thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ của Kế hoạch, phù hợp với các tiêu chuẩn, định mức phân bổ vốn theo quy định; chịu trách nhiệm quản lý và thực hiện thanh toán, quyết toán theo quy định về tài chính hiện hành;

- Theo dõi, kiểm tra, giám sát việc thực hiện Kế hoạch; báo cáo đánh giá kết quả thực hiện định kỳ hoặc đột xuất theo quy định.

Trên đây là Đề án Phát triển Kinh tế - Xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2022-2025 trên địa bàn huyện Chư Pưh. /.

Nơi nhận:

- Thường trực Huyện ủy;
- Thường trực HĐND huyện;
- CT, các PCT UBND huyện;
- UBMTTQVN huyện và các đoàn thể;
- T/viên BCĐ CTMTQG huyện;
- Các Ngân hàng đứng chân địa bàn huyện;
- Các phòng ban, đơn vị thuộc huyện;
- Ủy ban nhân dân các xã, TT;
- Lãnh đạo Văn phòng;
- Lưu: VT, các CV.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Lê Quang Thái

DỰ KIẾN KẾ HOẠCH VỐN THỰC HIỆN ĐỀ ÁN PHÁT TRIỂN KTXH VÙNG ĐỒNG BÀO DTTS VÀ MN GIAI ĐOẠN 2022-2025
(Kèm theo Đề án số **08** /ĐA-UBND ngày 08 tháng 12 năm 2022 của UBND huyện Chư Pớt)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Tên Dự án	KH vốn giai đoạn 2022-2025							Ghi chú	
		Tổng	NSTW			NSDP				Vốn tín dụng
			Tổng cộng	Vốn Đầu tư	Vốn Sự nghiệp	Tổng cộng	Vốn Đầu tư	Vốn Sự nghiệp		
TỔNG CỘNG		204.793,0	163.389,0	111.899,0	51.490,0	15.176,5	12.944,0	2.232,5	26.227,5	
1	Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt	47.723,5	13.189,0	5.855,0	7.334,0	10.307,0	10.307,0	0,0	24.227,5	
1.1	Nội dung 1: Hỗ trợ chuyển đất ở	8.460,0	0,0			3.960,0	3.960,0		4.500,0	Vay tín dụng không quá 50 triệu đồng/hộ; 90 hộ
1.2	Nội dung 1: Hỗ trợ chuyển nhà ở	13.272,0	1.280,0	1.280,0		5.672,0	5.672,0		6.320,0	Vay tín dụng không quá 40 triệu đồng/hộ; 158 hộ
1.3	Nội dung 3: Hỗ trợ đất sản xuất, chuyển đổi nghề	22.640,0	8.557,5	1.575,0	6.982,5	675,0	675,0	0,0	13.407,5	Vay tín dụng không quá 77,5 triệu đồng/hộ; 173 hộ
1.4	Nội dung 4: Hỗ trợ nước sinh hoạt	3.351,5	3.351,5	3.000,0	351,5	0,0		0,0		
2	Dự án 2: Quy hoạch, sắp xếp, bố trí ổn định dân cư ở những nơi cần thiết	79.160,0	79.160,0	79.160,0						
3	Dự án 3: Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp bền vững, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị	18.264,0	15.570,5	0,0	15.570,5	693,5	0,0	693,5	2.000,0	
3.1	Tiểu dự án 1: Phát triển kinh tế nông, lâm nghiệp bền vững gắn với bảo vệ rừng và nâng cao thu nhập cho người dân	8.968,0	8.968,0		8.968,0	0,0		0,0		
3.2	Nội dung 1-Tiểu dự án 2: Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị	8.764,0	6.118,0		6.118,0	646,0		646,0	2.000,0	Vay tối đa 2 tỷ đồng
3.3	Nội dung 3-Tiểu dự án 2: Thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào DTTS&MN	532,0	484,5		484,5	47,5		47,5		
4	Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào DTTS&MN	28.841,5	27.844,0	24.880,0	2.964,0	997,5	0,0	997,5	0,0	
4.1	Nội dung 1 - Tiểu dự án 1: Đầu tư CSHT thiết yếu,phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng DB DTTS&MN	28.841,5	27.844,0	24.880,0	2.964,0	997,5		997,5		
5	Dự án 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực	13.832,0	13.832,0	0,0	13.832,0	0,0	0,0	0,0	0,0	

KH vốn giai đoạn 2022-2025									
STT	Tên Dự án	Tổng	NSTW			NSDP			Ghi chú
			Tổng cộng	Vốn Đầu tư	Vốn Sự nghiệp	Tổng cộng	Vốn Đầu tư	Vốn Sự nghiệp	
5.1	Tiểu dự án 1: Đổi mới hoạt động, củng cố phát triển các trường phổ thông dân tộc nội trú, trường phổ thông dân tộc bán trú, trường phổ thông có học sinh ở bán trú và xóa mù chữ cho người dân vùng đồng bào DTTS	7.761,5	7.761,5		7.761,5	0,0			
5.2	Nội dung 2 - TDA2: Đào tạo dự bị đại học, đại học, sau đại học	0,0	0,0			0,0			
5.3	Tiểu dự án 3: Dự án phát triển giáo dục nghề nghiệp và giải quyết việc làm cho người lao động vùng DTTS&MN	5.044,5	5.044,5		5.044,5	0,0			
5.4	Tiểu dự án 4: Đào tạo nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ triển khai Chương trình ở các cấp	1.026,0	1.026,0		1.026,0	0,0			
6	Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các DTTS gắn với phát triển du lịch	4.220,0	1.583,0	1.583,0		2.637,0	2.637,0		
7	Dự án 8: Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em	3.116,0	2.821,5		2.821,5	294,5		294,5	
8	Dự án 9: Đầu tư phát triển nhóm DTTS còn nhiều khó khăn và khó khăn đặc thù	7.923,0	7.799,5	0,0	7.799,5	123,5	0,0	123,5	0,0
8.1	Tiểu dự án 1: Đầu tư tạo sinh kế bền vững, phát triển kinh tế - xã hội nhóm DTTS còn nhiều khó khăn, có khó khăn đặc thù	6.602,5	6.602,5		6.602,5	0,0		0,0	
8.2	Tiểu dự án 2: Giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng đồng bào DTTS&MN	1.320,5	1.197,0		1.197,0	123,5		123,5	
9	Dự án 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào DTTS&MN. Kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình	1.713,0	1.589,5	421,0	1.168,5	123,5	0,0	123,5	0,0
9.1	Tiểu dự án 1: Biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến, phát huy vai trò của người có uy tín, phò biển, giáo dục pháp luật, trợ giúp pháp lý và tuyên truyền, vận động đồng bào; truyền thông phục vụ tổ chức triển khai thực hiện Đề án tổng thể và Chương trình MTQG phát triển KT-XH vùng DB DTTS&MN	1.092,5	988,0		988,0	104,5		104,5	
9.2	Tiểu dự án 2: Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào DTTS&MN	468,5	468,5	421,0	47,5	0,0		0,0	
9.3	Tiểu dự án 3: Kiểm tra, giám sát, đánh giá, đào tạo, tập huấn tổ chức thực hiện Chương trình	152,0	133,0		133,0	19,0		19,0	

2/1/2022